

(P10)

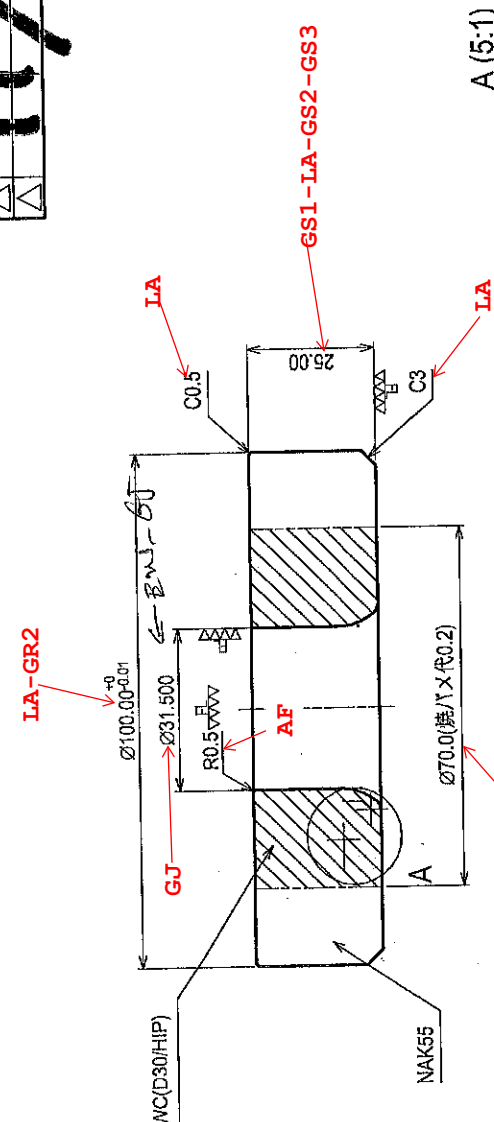
180  
200  
700  
1  
60.

11/5.

Le 10522

Le 10522

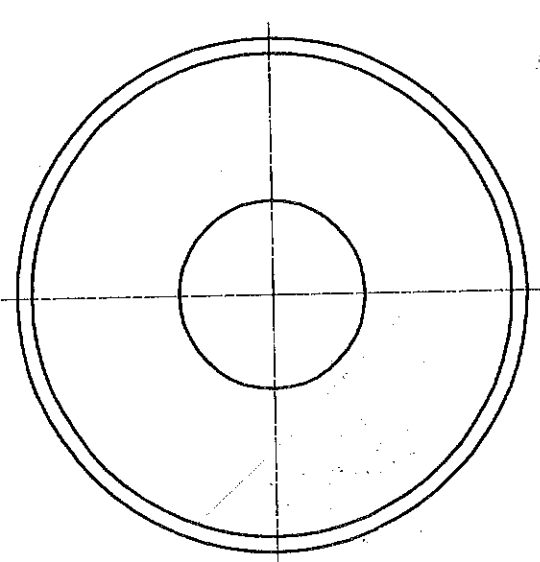
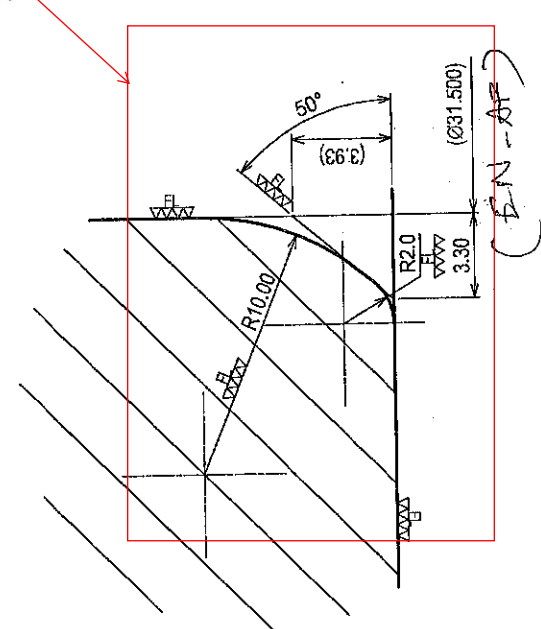
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.	2009/08/07				K.Shimegi Y.Takahashi	0.0000 ±0.002 0.000 ±0.005
△						0.000 ±0.005 0.000 ±0.005
△						0.00 ±0.01 0.00 ±0.01
△						0.0 ±0.1 0.0 ±0.1
						0. ±0.2 0.0 ±0.2
						0.0 ±0.1 0.0 ±0.1
						0.0 ±0.1 0.0 ±0.1
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED						0.0 ±0.1 0.0 ±0.1
FINISH MARKS						0.0 ±0.1 0.0 ±0.1
6						0.0 ±0.1 0.0 ±0.1
VVV (VVV)						0.0 ±0.1 0.0 ±0.1



A (5:1) 詳細図

GR: BTP luợt sáng Ø70=A  
LA: NAK gia công Ø70=A-0.21

EN-KA-AF



DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
K.Shimegi	Y.Takahashi	部品図	絞りダイ
QUENCH+TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	DRAW DIE
HRC		部品図	引伸下模
MATERIAL	DATE	部品図	引伸下模
NAK+WC(D30HIP)	2009/08/07	SCALE	DWG.No.
		1:1	S796621

MANUSH MOTOR CO., LTD.

414.1090323

SNO: **S796621**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>BTP:S796621(gs)</b> <b>NAK :Ø110*40(la)</b>	GS1:30 GR1:40 LA:140 AF:30 GS2:40 GR2:60 GJ:300 EN:250 KA:1 GS3:40 AF:30 KT